

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 173 /QĐ-CDSP, ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị)

### I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

- Tên cơ sở đào tạo: **Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị**
- Mã trường: **C32**
- Địa chỉ trụ sở: **Km3 Quốc lộ 9, Đông Hà, Quảng Trị**
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: **<http://www.qtttc.edu.vn>**
- Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):  
**<https://www.facebook.com/qtttc.edu.vn>**  
**<https://www.facebook.com/cdspqt>**
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: **(0233) 3580406**
- Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

**<http://www.qtttc.edu.vn/article/cate/camketchatluonggiaoduc.aspx>**

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
<i>Lĩnh vực I</i>					
Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	100	98	37	94,7%
<b>Tổng</b>		<b>100</b>	<b>98</b>	<b>37</b>	<b>94,7%</b>

### 8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT: **<http://www.qtttc.edu.vn/tuyensinh/>**

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

## 8.1.1. Năm 2022:

*Phương thức 1:* Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT/THPT quốc gia và kết quả thi năng khiếu.

*Phương thức 2:* Kết quả học tập THPT (Học bạ) và kết quả thi năng khiếu: Điểm trung bình các môn của năm học lớp 12 tương ứng với tổ hợp các môn xét tuyển.

*Phương thức 3:* Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT (Điều 8).

Kết quả thi năng khiếu: Thí sinh tham gia xét tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non phải nộp hồ sơ để dự thi năng khiếu tại trường CĐSP Quảng Trị hoặc có kết quả thi năng khiếu năm 2022 tại các trường đại học, cao đẳng trong toàn quốc theo tổ hợp xét tuyển.

## 8.1.2. Năm 2023:

*Phương thức 1:* Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển.

*Phương thức 2:* Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển

*Phương thức 3:* Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT (Điều 8)

Kết quả thi năng khiếu: Thí sinh tham gia xét tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non phải nộp hồ sơ để dự thi năng khiếu tại trường CĐSP Quảng Trị hoặc có kết quả thi năng khiếu năm 2023 tại các trường đại học, cao đẳng trong toàn quốc theo tổ hợp xét tuyển ghi trong đề án này.

## 8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Lĩnh vực I Ngành Giáo dục mầm non Tổ hợp 1: M00 Tổ hợp 2: M01 Tổ hợp 3: M09 Tổ hợp 4: M07	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT/THPTQG với điểm thi năng khiếu	20	66	17	35	98	17
		Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu	40			50		
		Xét tuyển thẳng	11	0	15	0		
	<b>Tổng</b>		71	66	17	100	98	17

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

**<http://www.qtttc.edu.vn/article/cate/nganh-dao-tao.aspx>**

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.	51140201	Giáo dục Mầm non	578/QĐ-BGD&ĐT-ĐH	10/02/2003	5767/QĐ-BGDĐT	14/12/2010	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2003	2023

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

**<http://www.qtttc.edu.vn/article/cate/dieukiendambaochatluonggiaoduc.aspx>**

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT: **<http://www.qtttc.edu.vn/tuyensinh/>**

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

**<http://www.qtttc.edu.vn/tuyensinh/>**

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

**<http://www.qtttc.edu.vn/tuyensinh/>**

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

**<http://www.qtttc.edu.vn/tuyensinh/>**

## **II. Tuyển sinh đào tạo chính quy**

## **1. Tuyển sinh chính quy cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non**

### ***1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh***

*1.1.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:*

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

*1.1.2. Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:*

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 Quy chế tuyển sinh;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;

d) Có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Trị.

### ***1.2. Phạm vi tuyển sinh***

Đào tạo chính quy giáo viên trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

### ***1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)***

Trường tiến hành xét tuyển theo ba phương thức như sau:

*Phương thức 1:* Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT/THPT quốc gia và kết quả thi năng khiếu.

*Phương thức 2:* Kết quả học tập THPT (Học bạ) và kết quả thi năng khiếu: Điểm trung bình các môn của năm học lớp 12 tương ứng với tổ hợp các môn xét tuyển.

Kết quả thi năng khiếu: Thí sinh tham gia xét tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non phải nộp hồ sơ đề dự thi năng khiếu tại trường CĐSP Quảng Trị hoặc có kết quả thi năng khiếu năm 2024 tại các trường đại học, cao đẳng trong toàn quốc theo tổ hợp xét tuyển ghi trong đề án này.

*Phương thức 3 (Tuyển thẳng):* Thí sinh có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên, hoặc có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá và có ít nhất 02 năm làm việc đúng ngành được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

**1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.**

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup> 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1.	Cao đẳng	51140201	Giáo dục mầm non	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT (Điều 8)	05								
				405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	45	Toán, Văn, Đọc diễn cảm – Hát	Văn, Đọc – kể chuyện diễn cảm, Hát - Múa	Toán, Đọc – kể chuyện diễn cảm, Hát - Múa	Văn, Địa lí, Đọc diễn cảm – Hát				
				406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	50								

<sup>1</sup> Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

### **1.5. Ngưỡng đầu vào**

**1.5.1. Kết quả thi tốt nghiệp trong tổ hợp xét tuyển theo phương thức 1** đáp ứng ngưỡng đầu vào do Bộ GDĐT công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

**1.5.2. Đối với phương thức 2**, thí sinh phải có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

**1.5.3. Kết quả thi các môn năng khiếu** đạt 5,0 điểm.

**1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:** mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

- Mã trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị: C32

- Mã số ngành cao đẳng Giáo dục Mầm non: 51140201

- Mã phương thức xét tuyển:

301: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT (Điều 8)

405: Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển

406: Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển

- Các tổ hợp xét tuyển gồm M00, M01, M09 và M07, không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp:

M00: Toán, Văn, Đọc diễn cảm – Hát

M01: Ngữ văn, Đọc diễn cảm - Kể chuyện, Hát - Múa

M09: Toán, Đọc diễn cảm - Kể chuyện, Hát - Múa

M07: Ngữ văn, Địa lí, Đọc diễn cảm - Hát

- Điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Điểm các môn năng khiếu phải đạt từ 5 điểm trở lên.

**1.7. Tổ chức tuyển sinh:** Thời gian, hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

### 1.7.1. Thi năng khiếu

a) Mục đích, tính chất của kỳ thi:

- Mục đích: Nhằm kiểm tra các năng khiếu cơ bản của thí sinh đảm bảo đáp ứng mức độ phù hợp đối với nghề giáo viên mầm non.

- Tính chất: là kỳ thi bổ trợ để lấy kết quả làm một căn cứ xét tuyển.

b) Kế hoạch tổ chức thi và danh sách các cơ sở đào tạo hợp tác hoặc đã công bố sử dụng kết quả thi:

Thời gian đăng ký và thi năng khiếu:

<b>Đợt</b>	<b>Thời gian đăng ký thi năng khiếu</b>	<b>Thời gian thi năng khiếu</b>	<b>Ghi chú</b>
Đợt 1	01/6/2024 đến hết ngày 20/7/2024	24/7/2024	
Đợt 2	29/7/2024 đến hết ngày 05/9/2024	06/9/2024	Nếu còn chỉ tiêu

Các đợt tiếp theo (nếu có), Nhà trường sẽ thông báo cụ thể trên Website của trường và các phương tiện thông tin đại chúng.

c) Thông tin và minh chứng cho việc đáp ứng đầy đủ năng lực tổ chức thi theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Quy chế tuyển sinh: bảo đảm đủ năng lực về đội ngũ, cơ sở vật chất và các điều kiện khác để tổ chức kỳ thi khách quan, nghiêm túc, chuyên nghiệp, an toàn, thuận tiện và hiệu quả.

d) Nội dung quy chế thi (dưới dạng phụ lục hoặc đường dẫn tới tài liệu trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo):

Đường link trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

**<http://www.qtttc.edu.vn/tuyensinh/detail/quy-che-thi-cac-mon-nang-khieu-vao-nganh-cao-dang-giao-duc-mam-non-21062022030925.aspx>**

đ) Hướng dẫn cụ thể cho thí sinh thực hiện các quy trình đăng ký dự thi và tham gia thi, trong đó có quy định mức thu dịch vụ tổ chức thi.

- Hồ sơ đăng ký dự thi năng khiếu (ĐKDTNK):

- 1) 01 túi hồ sơ kích thước 20cm×30cm, có dán Phiếu ĐKDTNK ở mặt trước và 01 Phiếu ĐKDTNK (để trong bì hồ sơ).
- 2) 02 ảnh 4×6 kiểu chứng minh thư, mới chụp chưa quá 6 tháng (mặt sau ghi rõ họ tên, ngày, tháng năm sinh).
- 3) 02 bì thư có dán tem và ghi địa chỉ người nhận (trường sẽ dùng bì thư này để gửi Phiếu báo dự thi và kết quả thi cho thí sinh).

- Nơi nhận hồ sơ ĐKDTNK:

Phòng Đào tạo – Khảo thí (Phòng A203), trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị;

Địa chỉ: Km3, Quốc lộ 9, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị;

Điện thoại: 0233.3580406.

- Lệ phí thi năng khiếu: 300.000 đồng/môn thi/thí sinh

#### *1.7.2. Thời gian, hình thức đăng ký xét tuyển*

- Thời gian, hình thức, địa điểm nhận hồ sơ và lệ phí ĐKXT thực hiện thống nhất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo Phương thức 2 đồng thời nộp bản sao học bạ lớp 12 về trường CĐSP Quảng Trị.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo Phương thức 3 nộp hồ sơ về trường CĐSP Quảng Trị đến hết ngày 30/6/2024. Hồ sơ bao gồm:

1) Bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp ngành sư phạm;

2) Giấy xác nhận đã làm việc đúng chuyên ngành ít nhất 2 năm (đối với thí sinh tốt nghiệp trung cấp sư phạm loại khá).

#### *1.7.3. Điều kiện xét tuyển*

Thí sinh có đủ các điều kiện sau đây:

- Thí sinh thuộc đối tượng tuyển sinh được quy định tại mục 1.1;



- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo Phương thức 1 có điểm thi môn văn hóa đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng của Bộ GD&ĐT.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo Phương thức 2 có học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo Phương thức 3 đã tốt nghiệp trung cấp sư phạm loại giỏi trở lên hoặc loại khá và có 2 năm kinh nghiệm làm việc.

- Điểm thi các môn năng khiếu  $\geq 5$

- Nộp đủ hồ sơ và lệ phí ĐKXT theo quy định và đúng thời gian được thông báo.

**1.8. Chính sách ưu tiên:** Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

1.8.1. Xét tuyển thẳng 05 thí sinh có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên, hoặc có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá và có ít nhất 02 năm làm việc đúng ngành được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

1.8.2. Ưu tiên xét tuyển trong năm tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp trung cấp đối với các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh là Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

a) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

b) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

c) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

d) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

### **1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển**

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Lệ phí xét tuyển: 20.000 đồng/hồ sơ

+ Lệ phí thi tuyển/sơ tuyển năng khiếu: 300.000 đồng/môn thi/thí sinh

### **1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).**

Học phí và sinh hoạt phí của sinh viên được thực hiện theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể là:

- Sinh viên được nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí bằng mức thu học phí theo quy định của Trường CĐSP Quảng Trị;
- Sinh viên được nhà nước hỗ trợ 3,63 triệu đồng/tháng để chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại trường (nếu có nguyện vọng).

Đối với các phí dịch vụ giáo dục khác (tiền ở Ký túc xá, tiền gửi xe..) sẽ áp dụng theo quy định hiện hành hoặc theo quy định của Trường CĐSP Quảng Trị

### **1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.**

<b>Đợt tuyển sinh</b>	<b>Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT</b>	<b>Thời gian xét và công bố kết quả</b>	<b>Ghi chú</b>
Xét tuyển thẳng	Trước 17 giờ 00 ngày 30/6/2024	Chậm nhất là ngày 10/7/2024	
Đợt 1	Theo thời gian quy định chung của bộ Giáo dục và Đào tạo: 18/7/2024 đến 17h ngày 30/7/2024	Chậm nhất 17 giờ 00 ngày 19/8/2024	
Đợt 2	Từ 20/8 đến 05/9/2024	Trước 17h ngày 07/9/2024	Nếu còn chỉ tiêu

Các đợt tiếp theo (nếu có), Nhà trường sẽ thông báo cụ thể trên Website của trường và các phương tiện thông tin đại chúng.

**1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).**

Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin ĐKDT/ĐKXT. Nhà trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin ĐKDT/ĐKXT với hồ sơ gốc.

**1.13. Tài chính:**

1.13.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 20.304.000.000 đồng;

1.13.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 79.312.000 đồng.

**2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên**

Không có chỉ tiêu.

**II. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm: (Mẫu số 01)**

Không có chỉ tiêu

**III. Tuyển sinh đào tạo từ xa: (Mẫu số 02)**

Không có chỉ tiêu

**Cán bộ kê khai**  
**Lương Thị Tố Uyên**  
Số điện thoại: 0866137357  
Email: uyen\_lt@qtttc.edu.vn

*Quảng Trị, ngày 29 tháng 4 năm 2024*  
**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Trương Đình Thăng**

**CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG****1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2023 (Người học)**

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		0
B	ĐẠI HỌC		0
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON	51140201	256
6	Cao đẳng chính quy		
6.1	<i>Chính quy</i>		256
6.2	<i>Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng</i>		
6.3	<i>Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng</i>		
7	Cao đẳng vừa làm vừa học		
7.1	Vừa làm vừa học		
7.2	<i>Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng</i>		
7.3	<i>Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng</i>		

**2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:****2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:**

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 10,6.
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 492.
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	88	8739
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	2521
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	181
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	0	0

<b>TT</b>	<b>Loại phòng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Diện tích sàn xây dựng (m<sup>2</sup>)</b>
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	40	2682
1.5	Số phòng học đa phương tiện	16	1235
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	30	2120
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1812
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	10	503
	<b>Tổng</b>	<b>99</b>	<b>11054</b>

**2.2 Các thông tin khác:** Không

### 3. Danh sách giảng viên

#### 3.1. Danh sách giảng viên toàn thời gian

<b>S T T</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành cao đẳng tham gia giảng dạy</b>
1.	Nguyễn Hoài Nam		Thạc sĩ	CN Tiếng Anh; Thạc sĩ QLGD	Cao đẳng Giáo dục mầm non
2.	Nguyễn Thị Huyền		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Cao đẳng Giáo dục mầm non
3.	Hoàng Thị Thanh Dàn		Thạc sĩ	Giáo dục chính trị	Cao đẳng Giáo dục mầm non
4.	Nguyễn Văn Thắm		Thạc sĩ	Âm nhạc	Cao đẳng Giáo dục mầm non
5.	Trần Hải		Thạc sĩ	Thạc sĩ QLGD	Cao đẳng Giáo dục mầm non
6.	Trần Thị Đào		Thạc sĩ	Lịch sử	Cao đẳng Giáo dục mầm non
7.	Cáp Kim Hoàng		Thạc sĩ	Vật lý	Cao đẳng Giáo dục mầm non
8.	Trương Đình Hoàng		Thạc sĩ	Mỹ thuật; Thạc sĩ QLGD	Cao đẳng Giáo dục mầm non
9.	Nguyễn Thị Thanh Nga		Thạc sĩ	Ngữ văn	Cao đẳng Giáo dục mầm non
10.	Trịnh Ngọc Tường Vy		Thạc sĩ	Lịch sử	Cao đẳng Giáo dục mầm non
11.	Nguyễn Văn Kiếm		Thạc sĩ	Khoa học Toán	Cao đẳng Giáo dục mầm non
12.	Bùi Thị Hoài Thu		Thạc sĩ	Tâm lý giáo dục	Cao đẳng Giáo dục mầm non
13.	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh		Thạc sĩ	Sinh học	Cao đẳng Giáo dục mầm non
14.	Lê Anh Phi		Thạc sĩ	KH Địa lý	Cao đẳng Giáo dục mầm non
15.	Nguyễn Thị Lệ Sương		Đại học	Mỹ thuật	Cao đẳng Giáo dục mầm non
16.	Võ Văn Thương		Đại học	Âm nhạc	Cao đẳng Giáo dục mầm non

17.	Nguyễn Thị Thu Lệ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	Cao đẳng Giáo dục mầm non
18.	Lê Đức Quảng		Tiến sĩ	CN Mỹ thuật; Tiến sĩ QLGD	Cao đẳng Giáo dục mầm non
19.	Trần Thị Thu Hà		Thạc sĩ	GDH PPGD Toán	Cao đẳng Giáo dục mầm non
20.	Võ Thị Thanh Ngân		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	Cao đẳng Giáo dục mầm non
21.	Nguyễn Thanh Thái		Đại học	Mỹ thuật	Cao đẳng Giáo dục mầm non
22.	Nguyễn Huy Tuyền		Tiến sĩ	TLH Phát triển & GDục	Cao đẳng Giáo dục mầm non
23.	Nguyễn Thị Hoàng Thúy		Đại học	Mỹ thuật	Cao đẳng Giáo dục mầm non
24.	Hoàng Thị Lệ Hằng		Thạc sĩ	Thạc sĩ GDH PPGD Hóa học	Cao đẳng Giáo dục mầm non
25.	Phan Chí Thành		Tiến sĩ	Tiến sĩ LL và PPDHKT	Cao đẳng Giáo dục mầm non
26.	Nguyễn Thị Ánh Dương		Thạc sĩ	KH Giáo dục	Cao đẳng Giáo dục mầm non
27.	Lê Quốc Hải		Tiến sĩ	Khoa học Máy tính	Cao đẳng Giáo dục mầm non
28.	Nguyễn Xuân Vũ		Thạc sĩ	Âm nhạc	Cao đẳng Giáo dục mầm non
29.	Phan Thị Hồng Hạnh		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	Cao đẳng Giáo dục mầm non
30.	Huỳnh Thị Kim Ngân		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Cao đẳng Giáo dục mầm non
31.	Trần Quốc Minh		Thạc sĩ	Toán học	Cao đẳng Giáo dục mầm non
32.	Trương Đình Thăng		Tiến sĩ	Tiếng Anh; Tiến sĩ QLGD	Cao đẳng Giáo dục mầm non
33.	Lê Thị Thu Hiền		Thạc sĩ	Kế toán	Cao đẳng Giáo dục mầm non
34.	Lương Thị Tố Uyên		Thạc sĩ	KHXXH & Nhân văn Ngữ văn	Cao đẳng Giáo dục mầm non
35.	Nguyễn Thị Thu Hằng		Thạc sĩ	TQDV Du lịch và Lễ hành	Cao đẳng Giáo dục mầm non
36.	Hoàng Hữu Tân		Tiến sĩ	Tiến sĩ QLGD	Cao đẳng Giáo dục mầm non
37.	Hoàng Thị Thúy Tinh		Thạc sĩ	Kinh tế Chính trị	Cao đẳng Giáo dục mầm non

38.	Nguyễn Thanh Long		Tiến sĩ	Toán học	Cao đẳng Giáo dục mầm non
39.	Hoàng Phước Lộc		Tiến sĩ	Khoa học máy tính	Cao đẳng Giáo dục mầm non
40.	Nguyễn Văn Diện		Thạc sĩ	Huấn luyện GD Thể chất	Cao đẳng Giáo dục mầm non
41.	Hồ Xuân Thắng		Thạc sĩ	Khoa học Toán học	Cao đẳng Giáo dục mầm non
42.	Nguyễn Thị Thanh Hải		Thạc sĩ	Triết học	Cao đẳng Giáo dục mầm non
43.	Lê Thị Phương		Thạc sĩ	Văn học Nước ngoài	Cao đẳng Giáo dục mầm non
44.	Lê Thị Kiều Nhi		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Cao đẳng Giáo dục mầm non
45.	Hoàng Thị Tâm		Thạc sĩ	Tâm lý học	Cao đẳng Giáo dục mầm non
46.	Trịnh Đình Hải		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	Cao đẳng Giáo dục mầm non
47.	Nguyễn Thị Thanh		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Cao đẳng Giáo dục mầm non
48.	Nguyễn Thị Kim Thái		Thạc sĩ	Mầm non	Cao đẳng Giáo dục mầm non
49.	Lê Đình Trí		Đại học	Âm nhạc	Cao đẳng Giáo dục mầm non
50.	Nguyễn Văn Sanh		Thạc sĩ	CN GD Thể chất; Thạc sĩ QLGD	Cao đẳng Giáo dục mầm non
51.	Nguyễn Thị Hồng Yến		Thạc sĩ	Triết học	Cao đẳng Giáo dục mầm non
52.	Phạm Thị Thu Sương		Thạc sĩ	LL&PPDH Âm nhạc	Cao đẳng Giáo dục mầm non
53.	Nguyễn Trương Trường		Thạc sĩ	Thạc sĩ GDKH & CN	Cao đẳng Giáo dục mầm non
54.	Lê Thị Thanh Bình		Thạc sĩ	Vật lý	Cao đẳng Giáo dục mầm non
55.	Dương Thị Mỹ Lệ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	Cao đẳng Giáo dục mầm non
56.	Trần Thị Gái		Đại học	Mầm non	Cao đẳng Giáo dục mầm non
57.	Hoàng Ái Mỹ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	Cao đẳng Giáo dục mầm non
58.	Nguyễn Thị Diễm		Thạc sĩ	Tâm lý giáo dục	Cao đẳng Giáo dục mầm non



59.	Trương Đình Dung		Thạc sĩ	Mỹ thuật	Cao đẳng Giáo dục mầm non
60.	Phạm Thị Hoài Thanh		Thạc sĩ	GDH PPGD Vật lý	Cao đẳng Giáo dục mầm non
61.	Vũ Thúy Ngọc		Thạc sĩ	Triết học	Cao đẳng Giáo dục mầm non
62.	Trương Bùi Thùy Dương		Thạc sĩ	LL và PP dạy học toán	Cao đẳng Giáo dục mầm non
63.	Trương Anh Tuấn		Đại học	GDTC& HLTT	Cao đẳng Giáo dục mầm non
64.	Nguyễn Thanh Bình		Thạc sĩ	Thể dục thể thao	Cao đẳng Giáo dục mầm non
65.	Nguyễn Thị Trường Thi		Thạc sĩ	Động vật học	Cao đẳng Giáo dục mầm non
<i>Tổng số giảng viên toàn trường: 65</i>					

**3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non:** Không.